

Van điều khiển tỉ lệ VPWI-

Số bộ phận: 8167808

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kiểu vận hành	điện
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Van đĩa với lò xo hồi
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Kích thước B x L x H	42,2 mm x 95,3 mm x 94,3 mm
Hướng dẫn an toàn	Vị trí an toàn VPWI, vị trí nghỉ đã đóng
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Thông gió danh nghĩa	5 mm
Chiều rộng định mức thông khí	5 mm
Tổng lượng rò rỉ	5 l/h
Kiểu hiển thị	Màu TFT
Kích thước hiển thị	1,77"
Độ phân giải màn hình	128x160 Pixel
Chức năng van	Van điều khiển tỉ lệ 3 nhánh
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Chống chịu ngắn mạch	cho tất cả các kết nối điện
Chiều dài dây dẫn tối đa	30m
Nhập giá trị mục tiêu	0 - 10 V 4 - 20 mA
Điện trở đầu vào	0.3 kOhm...100 kOhm
Đầu ra chuyển mạch	Push-Pull
Dòng điện đầu ra tối đa	25 mA
Dải tín hiệu đầu ra analog	0 - 10 V 4 - 20 mA
Đầu ra dòng điện trở tải tối đa	500 Ohm
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	2 kOhm
Độ chính xác đầu ra analog tính bằng ±% FS	1 %FS
Áp suất vận hành	0 MPA...1.3 MPA 0 bar...13 bar

Đặc tính	Giá trị
Áp suất đầu vào 1	0 MPA...1.3 MPA 0 bar...13 bar 0 psi...188.5 psi
Áp suất đầu vào 3	-0.1 MPA...0 MPA -1 bar...0 bar -14.5 psi...0 psi
Áp suất nổ	4 MPA 40 bar 580 psi
Giá trị C	2.1 l/s*bar
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	490 l/ph
Lưu lượng định mức thông thường 2-3	340 l/ph
Tần số cắt giới hạn	125 Hz
Thời gian chuyển mạch bật	8 ms
Thời gian chuyển mạch tắt	8 ms
Độ trễ	0.3 %FS
Hệ số nhiệt độ	0.02 %/K
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Dải điện áp hoạt động DC	21.6 V...27.6 V
Dòng điện danh nghĩa	0.17 A
Tiêu thụ điện tối đa	525 mA
Mức tiêu thụ năng lượng điện tối đa	14.5 W
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Khí trơ
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Mức độ bảo vệ	IP65
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
lớp khí hậu	3K3 theo EN 60721
Độ ẩm tương đối	0 - 85 % không cô đặc
Chiều cao vận hành định mức	< 3000 m NHN
mức công suất âm thanh	62.5 dB(A)
Mức công suất âm thanh ở khoảng cách 1 m	51.9 dB(A)
Lưu ý áp dụng	Sản phẩm chỉ thích hợp cho mục đích công nghiệp. Các biện pháp ngăn chặn nhiễu sóng vô tuyến có thể phải được thực hiện trong các khu dân cư.
trọng lượng sản phẩm	370 g
Độ chính xác lặp lại FS	0.3 %
Cổng nối điện 1, chức năng	Đầu ra giá trị thực Đầu vào giá trị định mức Nguồn cấp điện
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	5

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối điện 1, mô men xoắn siết chặt	1.5 N m
Kiểu gắn	có lỗ xuyên cho vít M4 với ray DIN
Cổng nối khí nén 1	G1/8
Cổng nối khí nén 2	G1/8
Cổng nối khí nén 3	G1/8
Kết nối vít mô-men xoắn cực đại	8.5 N m
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ xung
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	PA gia cố
Vật liệu của phốt	HNBR PTFE
Vật liệu vỏ	PA gia cố